

**BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ  
QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG**

**Tuần 37 Tháng 9/2024**

| STT                   | Tên Cơ quan         | Số hoá tái sử dụng lại | Công bố vào thứ 2 hàng tuần                                      |                                                  |                                                      |                                              |                                                     |                                                      |                             |
|-----------------------|---------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                       |                     |                        | Số hoá Hồ sơ (Chứng thực điện tử), tỷ lệ quy định từ <b>100%</b> | Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định <b>50%</b> | Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50% | Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100% | Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90-100% | Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-90% | Chỉ tiêu Tổng hợp 16/9/2024 |
|                       | <b>Xã, thị trấn</b> |                        | <b>Nhóm V</b>                                                    | <b>Nhóm III</b>                                  | <b>Nhóm III</b>                                      | <b>Nhóm IV</b>                               | <b>Nhóm II</b>                                      | <b>Nhóm I</b>                                        |                             |
| 1                     | UBND xã Thoại Giang | 399                    | 89,00%                                                           | 98,31%                                           | 96,60%                                               | 100%                                         | 99,83%                                              | 100,0%                                               | 90,48                       |
| 2                     | UBND TT Phú Hòa     | 135                    | 84,60%                                                           | 99,07%                                           | 88,10%                                               | 100%                                         | 100%                                                | 100%                                                 | 90,27                       |
| 3                     | UBND xã Vĩnh Khánh  | 0                      | 82,30%                                                           | 85,71%                                           | 84,8%                                                | 100%                                         | 100%                                                | 100%                                                 | 89,87                       |
| 4                     | UBND xã Vọng Đông   | 27                     | 83,70%                                                           | 81,82%                                           | 96,20%                                               | 100%                                         | 100,00%                                             | 100%                                                 | 89,46                       |
| 5                     | UBND xã Bình Thành  | 51                     | 83,90%                                                           | 99,10%                                           | 91,80%                                               | 100%                                         | 96,43%                                              | 100%                                                 | 88,92                       |
| 6                     | UBND xã An Bình     | 31                     | 82,70%                                                           | 96,06%                                           | 97,6%                                                | 100%                                         | 100,00%                                             | 100%                                                 | 88,83                       |
| 7                     | UBND xã Mỹ Phú Đông | 0                      | 81,60%                                                           | 96,81%                                           | 99,00%                                               | 100%                                         | 100,00%                                             | 100%                                                 | 88,59                       |
| 8                     | UBND TT Ốc Eo       | 0                      | 82,00%                                                           | 93,98%                                           | 86,50%                                               | 100%                                         | 98,90%                                              | 100%                                                 | 88,31                       |
| 9                     | UBND xã Định Mỹ     | 0                      | 81,50%                                                           | 97,71%                                           | 98,70%                                               | 100%                                         | 100%                                                | 96,8%                                                | 88,23                       |
| 10                    | UBND xã Vĩnh Chánh  | 0                      | 81,90%                                                           | 95,24%                                           | 99,6%                                                | 100%                                         | 99,56%                                              | 91,2%                                                | 88                          |
| 11                    | UBND xã Tây Phú     | 0                      | 79,50%                                                           | 87,67%                                           | 96,90%                                               | 100%                                         | 93,24%                                              | 100%                                                 | 87,62                       |
| 12                    | UBND xã Vọng Thê    | 50                     | 81,20%                                                           | 98,94%                                           | 76,80%                                               | 98,9%                                        | 87,28%                                              | 100%                                                 | 86,31                       |
| 13                    | UBND xã Định Thành  | 0                      | 81,50%                                                           | 89,01%                                           | 94,10%                                               | 100%                                         | 100,00%                                             | 89,40%                                               | 86,27                       |
| 14                    | UBND xã Vĩnh Trạch  | 45                     | 86,00%                                                           | 100,00%                                          | 96,8%                                                | 100%                                         | 100,00%                                             | 74,60%                                               | 85,36                       |
| 15                    | UBND xã Phú Thuận   | 0                      | 81,80%                                                           | 97,20%                                           | 99,30%                                               | 100%                                         | 100,00%                                             | 74,30%                                               | 84,31                       |
| 16                    | UBND TT Núi Sập     | 0                      | 80,70%                                                           | 83,05%                                           | 96,7%                                                | 100%                                         | 95,24%                                              | 73,50%                                               | 83,04                       |
| 17                    | UBND xã Vĩnh Phú    | 0                      | 79,60%                                                           | 100,00%                                          | 73,10%                                               | 100%                                         | 100,00%                                             | 54,3%                                                | 78,98                       |
| <b>Toàn huyện đạt</b> |                     | <b>738</b>             | <b>80,00%</b>                                                    | <b>67,62%</b>                                    | <b>87,20%</b>                                        | <b>98,3%</b>                                 | <b>86,44%</b>                                       | <b>100</b>                                           | <b>87,44</b>                |

**Tăng giảm so với Tuần trước**

**0                      0                      0                      0                      0                      0                      8,31**

**\* Ghi chú:**

(+) Tăng so với tuần trước

(-) giảm so với tuần trước

I CÔNG THEO

| Tăng<br>giảm so<br>với tuần<br>trước | Chỉ tiêu<br>Tổng hợp<br>09/9//2024 |
|--------------------------------------|------------------------------------|
|                                      |                                    |
| -0,02                                | 90,5                               |
| -0,99                                | 91,26                              |
| 0,2                                  | 89,67                              |
| -0,19                                | 89,65                              |
| 2,56                                 | 86,36                              |
| -0,13                                | 88,96                              |
| 9,98                                 | 78,61                              |
| 9,32                                 | 78,99                              |
| -0,48                                | 88,71                              |
| 18,38                                | 69,62                              |
| 0,19                                 | 87,43                              |
| 2,83                                 | 83,48                              |
| 11,79                                | 74,48                              |
| 9,42                                 | 75,94                              |
| 6,96                                 | 77,35                              |
| -0,7                                 | 83,74                              |
| 16,79                                | 62,19                              |
| 8,31                                 | 79,13                              |